

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 510/2025/DS-PT
Ngày: 05-8-2025
V/v tranh chấp về hợp đồng dân
sự - vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kiều Kim Xuân;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tân Tạng;

Ông Phạm Minh Tùng.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Tiến Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà
Phan Thị Thanh Mến - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 263/2025/TLPT- DS ngày 17 tháng 6
năm 2025, về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự - vay tài sản.”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2025/DS-ST ngày 20-01-2025 của Tòa án
nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 379/2025/QĐ-PT ngày
27 tháng 6 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 465/2025/QĐ-PT ngày 18
tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Diệu L, sinh ngày 15 tháng 5 năm 1976;

Nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp;

Địa chỉ sau sáp nhập: Ấp L, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Bà Phạm Kim C, sinh ngày 27 tháng 7 năm 1982;

Nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ sau sáp nhập: Ấp L, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ hiện tại (cung cấp cho Tòa án Tỉnh, đề nghị Tòa án gửi giấy triệu
tập): Tổ 20, khóm A, phường A, tỉnh Đồng Tháp. (Số điện thoại theo bì thư:
0776. 679 541).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Trần Thị Bích T, sinh ngày 15 tháng 10 năm 1992 (con của bà L);

Nơi thường trú: Khóm P, thị trấn C, huyện P, tỉnh An Giang;

Chỗ ở hiện nay: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp;

Địa chỉ nơi ở sau sáp nhập: Ấp L, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diệu L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Bích T:

Bà Lê Thị Ngọc T1, sinh năm 1966; Nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; Địa chỉ sau sáp nhập: Ấp P, xã L, tỉnh Đồng Tháp. (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 28/5/2025).

4. Người kháng cáo: Bà Phạm Kim C, là bị đơn.

(Bà T1 có mặt, bà C có đơn xin xét xử vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 4 năm 2023, 19 tháng 6 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diệu L trình bày:

Trong năm 2021 và năm 2022, bà L có cho bà Phạm Kim C vay tiền nhiều lần, tổng số tiền là 2.000.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 02%/tháng, cụ thể các lần giao tiền như sau:

- Ngày 03 tháng 4 năm 2021, bà L giao cho bà C số tiền 500.000.000 đồng;
- Ngày 06 tháng 7 năm 2021, bà L giao cho bà C số tiền 350.000.000 đồng;
- Ngày 09 tháng 11 năm 2021, bà L giao cho bà C số tiền 200.000.000 đồng;
- Ngày 08 tháng 02 năm 2022, bà L giao cho bà C số tiền 250.000.000 đồng;
- Ngày 07 tháng 4 năm 2022, bà L giao cho bà C số tiền 700.000.000 đồng.

Đến ngày 05 tháng 6 năm 2022, bà L và bà C chốt lại số tiền bà C vay của bà L tổng cộng là 2.000.000.000 đồng. Hai bên có lập “BẢN THỎA THUẬN”, bà C ký xác nhận nợ và có chị Nguyễn Thị T2 ký tên làm chứng. Kể từ thời điểm chốt số nợ gốc cho đến nay, bà C không trả tiền vay gốc và tiền lãi cho bà L. Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu bà Phạm Kim C trả số tiền vay gốc là 2.000.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 05 tháng 6 năm 2022 đến ngày xét xử với lãi suất là 02%/tháng. Tại phiên tòa, bà L thay đổi một phần yêu cầu, bà L chỉ yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất là 0,83%/tháng.

Ngoài số tiền mà bà L cho bà Phạm Kim C vay, bà L còn bảo lãnh cho bà C vay tiền từ Trần Thị Bích T, bằng hình thức bà L nhận tiền từ chị T rồi đưa trực tiếp lại cho bà C nhiều lần, cụ thể như sau:

- Ngày 06 tháng 02 năm 2021, bà L giao cho bà C số tiền 400.000.000 đồng;

- Ngày 08 tháng 5 năm 2021, bà L giao cho bà C số tiền 250.000.000 đồng;

- Ngày 04 tháng 9 năm 2021, bà L giao cho bà C số tiền 350.000.000 đồng.

Đến ngày 10 tháng 10 năm 2021, bà C và chị Trần Thị Bích T chốt lại số tiền bà L vay của chị T là 1.000.000.000 đồng (thông qua sự bảo lãnh của bà L và giao nhận trực tiếp với bà L). Bà C và chị T có lập “BẢN THỎA THUẬN”, bà C có ký xác nhận nợ.

Tại Đơn khởi kiện yêu cầu độc lập đề ngày 02 tháng 10 năm 2023 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị Bích T trình bày:

Chị Trần Thị Bích T có cho bà Phạm Kim C vay tiền 03 lần (do bà Nguyễn Thị Diệu L bảo lãnh), với lãi suất là 02%/tháng, phương thức vay tiền là khi nào bà C cần tiền thì thông báo cho chị T, rồi chị T đưa tiền cho bà L đưa giao cho bà C, cụ thể như sau:

- Ngày 06 tháng 02 năm 2021, chị T đưa cho bà C số tiền 400.000.000 đồng;

- Ngày 08 tháng 5 năm 2021, chị T đưa cho bà C số tiền 250.000.000 đồng;

- Ngày 04 tháng 9 năm 2021, chị T đưa cho bà C số tiền 350.000.000 đồng.

Đến ngày 10 tháng 10 năm 2021, bà Phạm Kim C và chị Trần Thị Bích T chốt lại số tiền mà bà C đã vay là 1.000.000.000 đồng. Hai bên có lập “BẢN THỎA THUẬN” và bà C ký xác nhận nợ. Kể từ thời điểm chốt số nợ gốc cho đến nay, bà C không trả tiền vay gốc và tiền lãi cho chị T. Do đó chị T khởi kiện yêu cầu bà Phạm Kim C trả số tiền vay gốc là 1.000.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 10 tháng 10 năm 2021 đến ngày xét xử với lãi suất là 02%/tháng. Tại phiên tòa, chị T thay đổi một phần yêu cầu, chị T yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất là 0,83%/tháng.

Người làm chứng Nguyễn Thị T2 trình bày: Chị là hàng xóm của bà L, bà C, chị không có quan hệ bà con cũng như không có mâu thuẫn gì với hai bên. Vào ngày 05 tháng 6 năm 2022, chị đến nhà bà L bỏ hụi, chị thấy bà C đang ở đó, bà L nhờ chị ký tên dùm biên bản thỏa thuận. Do chỗ thâm tình, quen biết ở xóm, làm ăn lâu năm, nên chị mới ký làm chứng. Lúc ký tên chị có đọc rõ nội dung rồi mới ký tên. Ngoài ra chị không còn biết gì khác.

Đối với bị đơn bà Phạm Kim C: Tòa án đã triệu tập để hòa giải và xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bà C từ chối không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và xét xử.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 03/2025/DS-ST ngày 20-01-2025 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp, đã tuyên xử:

“1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Diệu L, buộc chị Phạm Kim C trả cho chị Nguyễn Thị Diệu L số tiền 2.526.027.000 đồng (hai tỷ năm trăm hai mươi sáu triệu không trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của chị Trần Thị Bích T, buộc chị Phạm Kim C trả cho chị Trần Thị Bích T số tiền 1.328.219.000 đồng (một tỷ ba trăm hai mươi tám triệu hai trăm mười chín nghìn đồng).

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Diệu L về việc yêu cầu chị Phạm Kim C trả lại số tiền vay gốc 1.000.000.000 đồng và tiền lãi là 356.000.000 đồng mà chị đã bảo lãnh cho chị Phạm Kim C vay của chị Trần Thị Bích T.

4. Về án phí:

4.1. Chị Phạm Kim C phải chịu 134.366.000 đồng (một trăm ba mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Chị Nguyễn Thị Diệu L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 53.560.000 đồng (năm mươi ba triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004385 ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

4.3. Chị Trần Thị Bích T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 28.410.000 đồng (hai mươi tám triệu bốn trăm mười nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00046047 ngày 13 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

5. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.”

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo, thời hạn yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19-3-2025, bị đơn bà Phạm Kim C kháng cáo quá hạn, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm. Lý do: Quá trình Tòa án nhân dân huyện H giải quyết, xét xử vụ án, bà C không nhận được bất cứ văn bản tố tụng nào của Tòa án nhân dân huyện H, kể cả bản án dân sự sơ thẩm số 03/2025/DS-ST ngày 20-01-2025. Ngoài ra, bà C xác định không có vay nợ của bà L, chị T. Việc Tòa án tuyên buộc bà C trả cho bà L số tiền 2.526.027.000 đồng và trả cho chị T 1.328.219.000 đồng là không có căn cứ.

Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét kháng cáo quá hạn và chấp nhận việc kháng cáo quá hạn của bà C theo Quyết định số 258/2025/QĐ-PT ngày 19-5-2025.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Phạm Kim C có đơn xin xét xử vắng mặt và trình bày: Bà C và bà L có quen biết. Trước đây bà C có vay tiền của bà L mức lãi suất 30% tháng, có đóng lãi đầy đủ hàng tháng cho bà L. Đến ngày 30/3/2018 bà C đã thanh toán dứt điểm số tiền vay cho bà L và từ thời gian đó đến nay, bà C không còn nợ bà L khoản tiền nào.

Từ khi Tòa án huyện H thụ lý vụ án, bà C không nhận được tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn, không biết bà L có căn cứ nào để kiện bà C. Quá trình Tòa án huyện H giải quyết vụ án, bà không nhận được bất kỳ văn bản tố tụng nào, đến khi Cơ quan Thi hành án dân sự mời làm việc thì bà C mới biết và làm đơn kháng cáo quá hạn. Bà C cho rằng Tòa án nhân dân huyện H đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dân sự. Do đó bà L yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 03/2025/DS-ST ngày 20/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện H.

Bà T1, đại diện theo ủy quyền của bà L và chị T trình bày: Việc bà C thiếu nợ của bà L và chị T là có thật theo các Bản thỏa thuận nợ bà C đã ký xác nhận với bà L và chị T. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà C, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến (Có bài phát biểu kèm theo):

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm, thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ Công văn 11/CAX ngày 22/10/2024 của Công an xã L, huyện H về việc cung cấp thông tin cư trú của đương sự, đã xác nhận: Bị đơn Phạm Kim C hiện đang đăng ký tạm trú tại địa chỉ: D, Tổ D, KDC C, Kv T, phường L, quận C, TP C. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành niêm yết công khai văn bản tố tụng theo địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, là chưa đúng quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 11 Luật Cư trú. Việc này, làm chị C không biết việc giải quyết của Tòa án để thực hiện quyền tham gia tố tụng, quyền kháng cáo bản án, ảnh hưởng nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Ngoài ra, Tòa án sử dụng chứng cứ là Biên bản lấy lời khai của bà C, do Tòa án lập ngày 21/10/2024, trong đó không có chữ ký của bà C, làm căn cứ giải quyết vụ án là chưa khách quan, chưa đúng quy định tại các Điều 93, 95 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chưa làm rõ chứng cứ nguyên đơn cung cấp là Bản thỏa thuận ngày 10/10/2021, 05/6/2022 có chữ ký của bà C là do bà C ký trực tiếp hay photo. Chứng cứ chụp trong Vi bằng thì chưa có chữ ký của bà C, trong khi chứng cứ nộp cho Tòa thì có chữ ký bà C. Các vấn đề này chưa được làm rõ. Do đó, cần xem xét toàn diện lại nội dung vụ án.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Chấp nhận kháng cáo của bà C. Hủy bản án sơ thẩm số 03/2025/DS-ST ngày 20/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện H.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, người kháng cáo, bị đơn bà Phạm Kim C vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét sự vắng mặt của bà C phù hợp quy định pháp luật. Căn cứ Khoản 2 Điều 296, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn bà Phạm Kim C, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Theo đơn khởi kiện (sửa đổi, bổ sung) ngày 19/6/2023 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diệu L, bà L yêu cầu bị đơn bà C có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền vay 2.000.000.000 đồng và tiền bảo lãnh 1.000.000.000 đồng (bà L vay của chị T dùm cho bà L) và tiền lãi 756.000.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 3.756.000.000 đồng. Kèm theo đơn kiện, nguyên đơn có cung cấp chứng cứ là Bản thỏa thuận ngày 10/10/2021 và 05/06/2022 và xác nhận của Công an xã L ngày 15/5/2023 về địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú của bà C tại ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt trực tiếp Thông báo về việc thụ lý vụ án số 109/TB-TLVA ngày 19/7/2023, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cùng ngày 19/7/2023 cho bà C. Tuy nhiên, do “bà C không có mặt tại nhà, không rõ, đi đâu, nhà đóng cửa” nên không tổng đạt được. Tòa án tiến hành niêm yết văn bản tố tụng trên theo quy định của pháp luật. Do bị đơn vắng mặt, tiếp sau đó, Tòa án tiến hành niêm yết lần thứ hai, lần thứ ba đối với Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 140/TB-TA ngày 07/8/2023; Thông báo 111/TB-TA ngày 24/8/2023 về Kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Thông báo 67/TB-TLYCĐL ngày 16/10/2023 về việc thụ lý yêu cầu độc lập của chị Trần Thị Bích T. Tuy nhiên, bà C tiếp tục vắng mặt không lý do. Việc Tòa án tiến hành niêm yết văn bản tố tụng tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của bị đơn như trên là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Ngày 10/4/2024, Tòa án nhân dân huyện H có Công văn 149/TA-DS yêu cầu Công an xã L, huyện H xác nhận lại địa chỉ thường trú của bà C, việc vắng mặt tại địa phương từ khi nào và hiện đi đâu (bút lục 113). Ngày 22/10/2024, Công an xã L, huyện H có Công văn 11/CAX về việc cung cấp thông tin cư trú của đương sự, theo Công văn số 149/TA-DS ngày 10/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện H. Công an xã L đã xác nhận: Công dân Phạm Kim C, sinh 1982, đăng ký thường trú: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, hiện không có mặt tại địa phương, hiện đang đăng ký tạm trú tại địa chỉ: D, Tổ D, KDC C, Kv T, phường L, quận C, TP C. (bút lục 132).

[2.3] Ngày 04/12/2024, Tòa án nhân dân huyện H ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 276/2024/QĐXXST-DS. Tuy nhiên, quyết định không thể

hiện nơi tạm trú của bà C như Công văn cung cấp thông tin của Công an. Từ đó, Tòa án tiến hành niêm yết văn bản tố tụng theo địa chỉ thường trú của bị đơn, không tổng đạt văn bản tố tụng, kể cả bản án dân sự sơ thẩm cho bị đơn Phạm Kim C theo địa chỉ tạm trú do Công an xã L cung cấp. Do đó, bị đơn không biết việc Tòa án triệu tập và xét xử, không tham gia phiên tòa để trình bày. Như vậy, việc tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm là chưa đúng quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 11 Luật Cư trú, có thiếu sót, dẫn đến việc bà C không biết việc Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án để tham gia tố tụng và thực hiện quyền kháng cáo, ảnh hưởng quyền và nghĩa vụ của bà C. Vấn đề này, Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục.

[2.4] Ngoài ra, về đánh giá chứng cứ trong vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ chứng cứ là Biên bản lấy lời khai của bà C do Tòa án lập ngày 21/10/2024 tại nhà anh ruột của bà C là Phạm Văn C1 tại khóm A, phường A, thành phố H (bút lục 129), trong đó không có chữ ký của bà C, và Biên bản về việc bà C không nhận văn bản tố tụng và không ký tên biên bản lấy lời khai cùng ngày 21/10/2024 (bút lục 130) làm căn cứ giải quyết vụ án là chưa khách quan, vì việc lấy lời khai, thu thập chứng cứ chưa đúng quy định tại Điều 98 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xác định, đánh giá chứng cứ chưa căn cứ vào Điều 93, 95 của Bộ luật tố tụng dân sự: Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện mà bà L, chị T cung cấp là Bản thỏa thuận ngày 10/10/2021 và 05/6/2022 có chữ ký của bà C có màu mực đen, khác màu mực chữ viết trong phần nội dung là mực bi xanh, chưa được làm rõ là do bà C ký trực tiếp hay photo. Mặt khác, theo ảnh chụp bản thỏa thuận trong Vi bằng (trang 33, 34) do nguyên đơn cung cấp thì chưa có chữ ký của bà C, nhưng Bản thỏa thuận bản chính (bút lục 86, 87) thì có chữ ký của bà C bằng mực đen. Các vấn đề này chưa được làm rõ.

[2.5] Bà C kháng cáo và xác định không có vay nợ của bà L, chị T, không biết chứng cứ do bà L, chị T cung cấp làm căn cứ khởi kiện và cho rằng việc Tòa án tuyên buộc bà C trả cho bà L số tiền 2.526.027.000 đồng và trả cho chị T 1.328.219.000 đồng là không có căn cứ. Do đó, cần xem xét toàn diện lại nội dung vụ án.

[2.6] Từ những phân tích, nhận định trên, xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm thủ tục tổng đạt, đánh giá chứng cứ, ảnh hưởng quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự. Xét kháng cáo của bị đơn bà C là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà C: Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2025/DS-ST ngày 20-01-2025 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 12-Đồng Tháp), giao toàn bộ hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là phù hợp, có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Kim C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 148, Khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 03/2025/DS-ST ngày 20/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện H (nay là Tòa án nhân dân khu vực 12- Đồng Tháp).

2. Chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân khu vực 12- Đồng Tháp giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Được xác định lại khi giải quyết lại vụ án vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Kim C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Phạm Kim C số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp ngày 30/5/2025 theo biên lai số 0014675 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 12-Đồng Tháp).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh;
- Tòa án ND Khu vực 12-ĐT;
- Thi hành án Dân sự Tỉnh;
- Phòng Giám đốc-KT-TT-THA,TAND Tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án và VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Kiều Kim Xuân